

Số: 955 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu (Tỷ lệ 1/2000)
Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành kế hoạch tổ chức lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu (Tỷ lệ 1/2000) Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận;

Căn cứ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng; Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định hiện hành liên quan;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1422/TTr-SXD và Văn bản thẩm định số 1421/TĐ-SXD ngày 26 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận.

2. Địa điểm: Khu vực lập quy hoạch thuộc phạm vi các xã Vinh Thanh, Vinh An, Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Phạm vi ranh giới:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới xã Vinh Thanh, một phần xã Vinh An và một phần xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang Thừa Thiên Huế, có ranh như sau:

- Phía Đông Bắc giáp biển Đông;
- Phía Đông Nam giáp xã Vinh An và khu nghĩa địa làng An Bằng;
- Phía Tây Nam giáp phá Tam Giang và khu dân cư xã Vinh An;
- Phía Tây Bắc giáp xã Vinh Xuân và khu dân cư xã Vinh Xuân.

4. Quy mô:

a) Quy mô đất đai: Diện tích khu vực nghiên cứu quy hoạch khoảng 1.504,2ha. Trong đó:

- Toàn bộ diện tích xã Vinh Thanh khoảng 1.053,6 ha;
- Khu vực thuộc xã Vinh An khoảng 218,9 ha;
- Khu vực thuộc xã Vinh Xuân khoảng 231,7 ha.

b) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số năm 2020: 13.500 người;
- Quy mô dân số dự kiến năm 2030: 25.000 người;
- Quy mô dân số dự kiến năm 2040: 37.000 người.

5. Tính chất:

- Là khu vực được đầu tư xây dựng từng bước để trở thành thị trấn trung tâm tiêu vùng khu vực ven biển và đầm phá của huyện Phú Vang.
- Là đô thị phát triển theo mô hình đô thị sinh thái, cảnh quan môi trường, gắn với việc đẩy mạnh phát triển du lịch dịch vụ, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản,...
- Là khu vực đô thị bao gồm các khu dân cư được nâng cấp, chỉnh trang kết hợp phát triển xây dựng mới với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và gắn kết hài hòa với các khu dịch vụ du lịch và vùng phụ cận.

6. Mục tiêu:

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 18/02/2014; Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 31/03/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công nhận xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt tiêu chí đô thị loại V.
- Định hướng phát triển không gian kiến trúc, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ; góp phần bảo vệ môi trường, cảnh quan, giá trị văn hóa lịch sử nhằm phát triển bền vững; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của khu vực phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Đề xuất giải pháp quy hoạch hợp lý, khai thác tốt quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị; cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư cũ, kết nối với các khu vực lân cận; sắp xếp các khu chức năng chưa hợp lý.
- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng, lập các quy hoạch chi tiết xây dựng và các dự án đầu tư.

7. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			(ha)	(%)
A	Đất xây dựng		1.140,42	75,82
I	Đất đơn vị ở		446,39	29,68
1	Đất ở hiện trạng	OHT	286,95	19,08
2	Đất nhóm nhà ở	OTT	113,55	7,55
3	Đất hỗn hợp ở thấp tầng	OTM	13,81	0,91
4	Đất giáo dục	TH	15,39	1,02

5	Đất y tế	YT	1,68	0,12
6	Đất văn hóa đơn vị ở (SHCĐ)	VH	0,86	0,06
7	Đất chợ	DV8, DV9	0,67	0,04
8	Đất cây xanh đơn vị ở	CXO	13,48	0,90
II	Đất ngoài đơn vị ở		694,03	46,14
1	Đất công cộng cấp đô thị	CC	4,21	0,28
2	Đất văn hóa cấp đô thị	VH	2,96	0,20
3	Đất cơ quan, trụ sở	SN	0,78	0,05
4	Đất TDTT	TDTT	9,44	0,63
5	Đất sân golf	GON	127,68	8,49
6	Đất dịch vụ thương mại	DV	36,53	2,43
7	Đất dịch vụ du lịch	DL	177,97	11,83
8	Đất cây xanh chuyên đề	CXCD	27,25	1,81
9	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TG, TIN	5,14	0,34
10	Đất quốc phòng, an ninh	QP	1,20	0,08
11	Đất kho bãi	KHB	0,60	0,04
12	Đất quảng trường, công viên cấp đô thị	CV,QT	33,49	2,23
13	Đất cây xanh đô thị	CX	26,32	1,75
14	Đất cây xanh cách ly	CXCL	8,35	0,56
15	Mặt nước	MN	7,03	0,46
16	Đất đường giao thông		208,66	13,87
17	Bãi đỗ xe	P	13,77	0,91
18	Đất công trình đầu mối HTKT	HTKT	2,65	0,18
B	Đất nông nghiệp		156,67	10,42
1	Đất sản xuất nông nghiệp	NN	51,5	3,42
2	Đất lâm nghiệp		92,75	6,17
<i>a</i>	<i>Đất rừng sản xuất</i>	<i>RSX</i>	<i>29,34</i>	<i>1,95</i>
<i>b</i>	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	<i>RPH</i>	<i>58,89</i>	<i>3,92</i>
<i>c</i>	<i>Đất trồng rừng ngập mặn</i>	<i>RNM</i>	<i>4,52</i>	<i>0,30</i>
3	Đất nuôi trồng thủy sản		12,42	0,83
C	Đất khác		207,11	13,77
1	Đất nghĩa địa	ND	16,95	1,13
2	Đất bãi cát ven biển	B	31,18	2,07
3	Mặt nước tự nhiên	MN	158,98	10,57
	Tổng cộng		1.504,20	100,00

8. Tổ chức không gian, kiến trúc:

a) Tổ chức không gian:

Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận được định hướng phân chia thành 4 vùng chủ đạo:

- Vùng không gian ven phá: Khai thác hệ sinh thái nước lợ, mặt nước tự nhiên của đầm phá Tam Giang để hình thành các tổ hợp dịch vụ du lịch, khách sạn, các khu vui chơi giải trí mang đặc trưng vùng đầm phá. Đồng thời kết hợp phát triển ngư nghiệp và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp liên quan.

- Vùng không gian đô thị hiện tại: xây dựng hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Chính trang sắp xếp các khu dân cư tập trung hiện hữu, phát triển các khu dân cư đô thị.

- Vùng không gian tràm nước: nghiên cứu khai thác vùng cảnh quan đặc thù tràm Sen nhằm hình thành một lõi xanh đặc trưng cho đô thị Vinh Thanh. Định hướng trong tương lai cần kết hợp khai thác các loại hình dịch vụ du lịch đặc thù, các khu ở cao cấp, vùng nông nghiệp xanh.

- Vùng không gian ven biển: Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái biển với các loại hình như tổ chức các khu du lịch có tiêu chuẩn quốc tế (resort, khách sạn...), các khu vui chơi giải trí cộng đồng, các bãi tắm công cộng,...

b) Trục không gian đô thị:

- Trục phát triển đô thị:

+ Trục Quốc lộ 49B vừa là trục giao thông chính vừa là trục chính phát triển đô thị liên kết 2 xã kề cận là Vinh An, Vinh Xuân và các xã khác thuộc vùng đầm phá Tam Giang và biển Đông thuộc huyện Phú Vang và Phú Lộc.

+ Tuyến đường bộ ven biển là tuyến giao thông chính phía biển nối Vinh Thanh, Vinh Xuân, Vinh An với các xã ven biển của tỉnh.

+ Trục Tỉnh lộ 18 là trục kết nối đô thị với các xã Vinh Phú, Vinh Thái, thị trấn Phú Đa (trung tâm huyện lỵ Phú Vang); kết nối với thị xã Hương Thủy và là tuyến giao thông quan trọng để phát triển dịch vụ du lịch biển Vinh Thanh.

- Trục cảnh quan:

+ Khai thác bờ biển Vinh Thanh, Vinh Xuân, Vinh An thành chuỗi phát triển du lịch dịch vụ biển, các khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp.

+ Khai thác, phát triển khu vực tràm Sen để hình thành khu vực cảnh quan xanh (nông nghiệp) đặc thù cho đô thị và toàn vùng.

+ Phát huy lợi thế về cảnh quan mặt nước đầm phá Tam Giang để phát triển dịch vụ du lịch, hệ thống công viên, cây xanh.

- Trục trung tâm: định hướng hình thành trục trung tâm đô thị có hướng mở ra biển và đâm phá, kết nối các không gian mặt nước đặc thù biển – trầm nước – đâm phá.

9. Các yêu cầu về quy hoạch kiến trúc:

a) Mật độ xây dựng gộp (brutto):

- Đất giáo dục (ký hiệu TH): $\leq 40\%$.
- Đất công cộng đô thị (ký hiệu CC, VH): $\leq 40\%$.
- Đất công cộng khu ở (ký hiệu TH, YT, VH, DV8, DV9): $\leq 40\%$.
- Đất thương mại, dịch vụ (ký hiệu DV): $\leq 60\%$, (ký hiệu DL): $\leq 25-40\%$.
- Đất sân golf (ký hiệu GON): $\leq 5\%$.
- Đất nhóm nhà ở (ký hiệu OTT, OHT): $\leq 60\%$, (OTM): $\leq 80\%$
- Đất cây xanh đơn vị ở (ký hiệu CXO): $\leq 5\%$.
- Đất cây xanh chuyên đề (ký hiệu CXCD): $\leq 10\%$.
- Đất cây xanh đô thị, công viên (ký hiệu CX, CV): $\leq 05\%$.

b) Chiều cao công trình tối đa:

- Đất công cộng đô thị (ký hiệu CC, VH): ≤ 04 tầng.
- Đất giáo dục (ký hiệu GD): ≤ 04 tầng.
- Đất y tế (ký hiệu YT) : ≤ 04 tầng.
- Đất thương mại dịch vụ (ký hiệu DV): 3-15 tầng.
- Đất sân golf (ký hiệu GON): ≤ 3 tầng.
- Đất nhóm nhà ở (ký hiệu OTT, OHT): ≤ 05 tầng, (ký hiệu OTM): ≤ 06 tầng.
- Đất cây xanh (ký hiệu CX, CXO, CV, CXCD): ≤ 01 tầng đối với công trình

kết cấu dạng nhà.

c) Chỉ giới xây dựng:

- Đối với các trục đường Quốc lộ 49B, đường trục chính xã Vinh Thanh, tỉnh lộ 18 và đường ven biển lộ giới 36m:

+ Các khu đất thương mại dịch vụ có tầng cao > 5 tầng (ký hiệu DV), các khu đất dịch vụ du lịch (ký hiệu DL): lùi $\geq 10,0m$ so với chỉ giới đường đỏ;

+ Các khu đất công cộng, giáo dục và y tế, văn hóa (ký hiệu CC, GD, YT, VH), các khu đất dịch vụ thương mại cao ≤ 5 tầng (ký hiệu DV); các khu đất cây xanh, công viên, công viên chuyên đề (ký hiệu CX, CV, CVCD): lùi $\geq 6,0m$ so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đất nhóm nhà ở: lùi $\geq 4,0m$ so với chỉ giới đường đỏ.

- Đối với các trục đường còn lại từ cấp đường phân khu vực có lộ giới 13,5m trở lên:

+ Đất thương mại dịch vụ (ký hiệu DV), đất dịch vụ du lịch (ký hiệu DL); đất công cộng, giáo dục và y tế, văn hóa (ký hiệu CC, GD, YT, VH), đất cây xanh, công viên, công viên chuyên đề (ký hiệu CX, CV, CVCD): lùi $\geq 6,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đất nhóm nhà ở: lùi $\geq 3,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ.

d) Quy định về tầng hầm:

- Đối với các công trình công cộng, thương mại dịch vụ được phép xây dựng tối đa 02 tầng hầm, các loại công trình khác tối đa 01 tầng hầm (bao gồm cả tầng bán hầm).

- Tầng hầm, bán hầm được phép xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ (khuyến khích lùi $\geq 1\text{m}$ nhằm bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị). Cao độ trần của tầng hầm, bán hầm đối với phần nằm ngoài chỉ giới xây dựng (tầng nổi) không được cao hơn cao độ vỉa hè và phải có giải pháp bố trí cây xanh phù hợp. Riêng đối với công trình nhà ở thấp tầng, tầng hầm, bán hầm phải được xây dựng tuân thủ theo chỉ giới xây dựng phần nổi.

đ) Quy định về hệ số sử dụng đất: Hệ số sử dụng đất đối với từng lô đất được quy định cụ thể tại bản đồ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được ban hành kèm theo.

e) Quy định chuyển tiếp: Đối với các dự án đã triển khai hoặc đã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hoặc được phê duyệt phương án tổng mặt bằng trước thời điểm đồ án Quy hoạch phân khu (Tỷ lệ 1/2000) Đô thị Vinh Thanh và vùng phụ cận được phê duyệt thì áp dụng chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã phê duyệt. Đối với các chỉ tiêu quy hoạch chưa được quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết thì được áp dụng theo đồ án quy hoạch phân khu.

10. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền tổng thể khu vực: Cao độ nền khu vực cao nhất là +11,0; Cao độ nền khu vực thấp nhất là +2,50m.

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước của khu đô thị được quy hoạch xây dựng hoàn toàn mới và để đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu đô thị, hệ thống thoát nước được xây dựng theo hệ thống thoát nước riêng.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại :

+ Quốc lộ 49B (đoạn ký hiệu mặt cắt 1-1): Lộ giới 44m (9,0m+ 10,5m+ 5,0m+ 10,5m + 9,0m);

+ Quốc lộ 49B (đoạn ký hiệu mặt cắt 2-2): Lộ giới 36m (5,0m+ 10,5m+

5,0m+ 10,5m + 5,0m);

+ Tuyến đường bộ ven biển (ký hiệu mặt cắt 2-2): Lộ giới 36m (5,0m+ 10,5m+ 5,0m+ 10,5m + 5,0m);

+ Tỉnh lộ 18 (ký hiệu mặt cắt 2-2): Lộ giới 36m (5,0m+ 10,5m+ 5,0m+ 10,5m + 5,0m);

+ Tỉnh lộ 18 (ký hiệu mặt cắt 5-5): 24m (4,5m+ 15,0m+ 4,5m).

- Giao thông đối nội:

+ Trục trung tâm (đoạn ký hiệu mặt cắt 2-2): Lộ giới 36m (5,0m+ 10,5m+ 5,0m+ 10,5m + 5,0m); + Trục trung tâm (đoạn ký hiệu mặt cắt 4-4): Lộ giới 25,50m (4,5m+ 7,5m +1,5m + 7,5m + 4,5m);

+ Trục trung tâm (đoạn ký hiệu mặt cắt 3-3): Lộ giới 26,0m (4,5m+ 7,5m +2,0m + 7,5m + 4,5m);

+ Trục chính đô thị (đoạn ký hiệu mặt cắt 4-4): Lộ giới 25,5m (4,25m+ 7,5m+ 2,0m+7,5m+ 4,25m);

+ Đường có ký hiệu mặt cắt 5-5: Lộ giới 24m (4,5m+ 15,0m+ 4,5m);

+ Đường có ký hiệu mặt cắt 6-6: Lộ giới 19,5m (4,5m+ 10,5m+ 4,5m);

+ Đường có ký hiệu mặt cắt 7A-7A: Lộ giới 16,5m (3,0m+ 10,5m+ 3,0m);

+ Đường có ký hiệu mặt cắt 7B-7B: Lộ giới 16,5m (4,5m+ 7,5m+ 4,5m);

+ Đường có ký hiệu mặt cắt 8-8: Lộ giới 13,5m (3,0m+ 7,5m+ 3,0m).

c) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: ≥ 180 lít/ngày đêm/người;

+ Nước công trình công cộng và dịch vụ: ≥ 2 lít/m² sàn-ngày đêm;

+ Nước tưới vườn hoa, công viên: ≥ 3 lít/m²-ngày đêm;

+ Nước rửa đường: $\geq 0,5$ lít/m²-ngày đêm.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Phú Bài, công suất 1.800m³/ngđ; Lộc Bôn, công suất 40.000m³/ngđ; nhà máy nước Lộc An, công suất 16.00m³/ngđ.

d) Cấp điện:

- Sinh hoạt: 2.100kWh/người/năm.

- Nhà ở thấp tầng: > 3-5 kW/hộ.

- Công trình công cộng, dịch vụ: ≥ 30 W/m² sàn.

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp được cấp điện từ trạm biến áp 110kV Huế 1 thông qua đường dây 22kV Thủy Phù - Vinh Thanh và Tân Mỹ - Vinh Thanh - Vinh Hiền. Định hướng trong tương lai sẽ được cấp điện từ trạm biến áp Huế 3 (2x25MW), trạm biến áp 110kV Vinh Thanh hiện đang được đầu tư xây dựng.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải khu vực được thiết kế mạng lưới thoát riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Các công trình phải xây bể tự hoại đúng quy cách. Nước thải của các công trình cần được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải.

+ Nước thải được thu theo một hệ thống cống riêng biệt bằng nhựa HDPE. Hệ thống cống thoát nước thải hoạt động theo nguyên tắc tự chảy hoặc bơm trung chuyển về nhà máy xử lý nước thải dự kiến đặt ở phía Tây Nam đô thị Vinh Thanh (tiếp giáp với xã Vinh Xuân) với công suất $Q_{max}=8000m^3/ngđ$.

- Vệ sinh môi trường: Chỉ tiêu rác thải là 1,3kg/người/ngày, tỷ lệ thu gom 100%. Tổ chức thu gom và xử lý rác thải theo quy định của khu vực. Chất thải rắn được thu gom và vận chuyển về khu xử lý tập trung để xử lý.

e) Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống cáp, hộp nối được lắp đặt đồng bộ; bố trí ngầm trong hệ thống cống bể dưới vỉa hè dọc theo hệ thống giao thông.

11. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các quỹ đất tái định cư để đảm bảo cân đối nguồn lực và bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trong khu vực.

- Ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ ven Trầm Sen, các quỹ đất ven phá, khu vực ven biển thuộc xã Vinh An và trực cảnh quan nổi khu vực đầm phá và bãi biển Vinh Thanh;

- Đầu tư điểm xanh, cây xanh kết hợp bãi đỗ xe và trồng cây xanh vỉa hè;

- Đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng xã hội như: công trình dịch vụ thương mại, trường học, thiết chế văn hóa,....

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch phân khu được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan Ban, Ngành chức năng liên quan thực hiện các công việc sau:

1. UBND huyện Phú Vang có trách nhiệm:

- Phối hợp Sở Xây dựng và các Ban, Ngành, chính quyền địa phương liên quan tổ chức công bố quy hoạch theo quy định để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

- Phối hợp với các Ban, Ngành, chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý xây dựng theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Mọi sự

điều chỉnh, thay đổi phải báo cáo, xin ý kiến UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Phú Vang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu VT, QHXT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương